TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Số: 97/2026/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 20 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 112/2026/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ngọc B, sinh năm 1995, số CCCD 019195011277, nơi thường trú: Xóm Q, xã V, tỉnh Thái Nguyên, Nơi ở: Xóm Q, xã V, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Lại Hợp H, sinh năm 1992, Số CCCD 019092012697

Nơi thường trú: Xóm Q, xã V, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82,83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị Ngọc B và anh Lại Hợp H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc B và anh Lại Hợp H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lại Hợp D, sinh ngày 25/01/2014, các đương sự thống nhất thỏa thuận:

Giao con chung Lại Hợp D, sinh ngày 25/01/2014 cho anh Lại Hợp H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị B cho đến khi anh H có yêu cầu.

Người trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung, người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích của con chung, các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc B tự nguyện nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001292 ngày 02/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Hoàn trả chị Phạm Thị Ngọc B số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 4 – Thái Nguyên;
- P.THADS khu vực 4- Thái Nguyên;
- UBND xã Vô Tranh, tỉnh TN (GCNKH số 86 do UBND xã Vô Tranh, H. Phú Lương cấp ngày 27/11/2013);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, BP (9)

Chu Thị Bích Hiền